

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 02/2021/HC-PT

Ngày: 05/11/2021.

V/v: “Yêu cầu hủy các quyết định hành
chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Bà Võ Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện VKSND tỉnh Bình Định: Bà Đào Thanh Tú – Kiểm sát viên
tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định
mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
01/2021/TLPT-HC ngày 03 tháng 6 năm 2021 về việc: “Yêu cầu hủy các quyết
định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm
2021, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Trần Văn Q, sinh năm 1952.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955 (theo Giấy ủy
quyền số số 111, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/01/2020 tại Văn
phòng Công chứng B), có mặt.

Cùng cư trú: xxx, phường N, thị xã A, tỉnh B.

2. **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh Bnh
– Ông Nguyễn Minh M (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: UBND phường N, thị xã A, tỉnh B.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân phường N, thị xã A, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh M - Chủ tịch UBND phường N (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955, có mặt

Địa chỉ: xxx, phường N, thị xã A, tỉnh B.

3.3. Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp N

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, sinh năm 1965 – Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, vắng mặt.

3.4. Công ty cổ phần phát triển N

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1950, (theo giấy ủy quyền số 02/2016 ngày 10/01/2016 tại Văn phòng Công ty CPPT N), vắng mặt.

Địa chỉ: Khu Tiểu thủ công nghiệp N, phường N, thị xã A, tỉnh B.

4. **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày ngày 08/4/2019, bổ sung ngày 17/6/2019, biên bản tự khai ngày 27/12/2019 và các biên bản tiếp theo người khởi kiện ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H trình bày:*

Ngày 03/6/1987, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) phường N và Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp N 3 giao cho vợ chồng ông Trần Văn Q, bà Hồ Thị H 7.800m² đất để trồng dừa, cấp riêng 500m² để cất trại coi giữ, thời hạn giao khoán là 20 năm, từ năm 1987 đến 2007 theo “biên bản giao khoán trồng dừa mới”. Trong thời gian được giao đất, vợ chồng ông bà sử dụng đất đúng mục đích, không bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm gì. Năm 2001 UBND xã N kết hợp với doanh nghiệp T, doanh nghiệp N yêu cầu các hộ trồng dừa chặt dừa giao mặt bằng để mở nhà xưởng, các công ty sẽ bồi thường phần diện tích đất và số cây bị chặt. Tuy nhiên, do địa hình phần đất giao cho vợ chồng ông bà không bằng phẳng nên các công ty không sử dụng phần đất này, vì thế vợ chồng ông bà không được nhận bồi thường. Sau khi hết thời hạn thuê đất, vợ chồng ông bà không nhận được bất kì văn bản nào về việc thu hồi đất. Vợ chồng ông bà không được gia hạn thời hạn sử dụng đất. Ngày 30/4/2011 công ty T xả nước thải làm chết cây nên đền bù 12.000.000đ. Còn công ty N không đền bù gì mà còn cho xe cào hết nhà ở và cây cối để lấy đất nên ông Q tiếp tục trồng lại cây và xây dựng lại nhà. Ông Q có đơn khiếu nại gửi chính quyền thì UBND phường N trả lời đất này do UBND tỉnh cho thuê chứ không phải UBND phường. Chủ tịch UBND phường N ban hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc

phục hậu quả số 43/QĐ-CC-XP ngày 28/3/2019. Thông báo tổ chức thực hiện cưỡng chế thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Q số 54/TB-UBND ngày 08/4/2019. Vợ chồng ông bà hoàn toàn không biết việc UBND tỉnh B đã cấp GCNQSD cho công ty Ng đối với phần diện tích đất mà vợ chồng ông bà đang quản lý. Nay ông bà yêu cầu hủy các quyết định hành chính và các văn bản, thông báo kèm theo của ông Nguyễn B – Chủ tịch UBND phường N, cụ thể:

- Quyết định số 34/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính, Quyết định này không đúng vì vợ chồng ông bà sử dụng đất liên tục từ khi hết hạn thuê đất đến nay.

- Quyết định số 43/QĐ-CCXP ngày 28/3/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Thông báo số 54/TB-UBND ngày 08/4/2019 về việc tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Quá trình cưỡng chế tài sản, vợ chồng ông bà bị thiệt hại về tài sản như trong biên bản định giá lập ngày 11/7/2019 yêu cầu bồi thường.

Bà H và ông Đỗ Mạnh T (đại diện cho công ty T) xác định hai bên không có tranh chấp, phần đất của công ty T sử dụng (trước đây là công ty T) đã đền bù cho vợ chồng bà 12.000.000đ, còn chuồng bò và ngôi nhà vẫn còn nguyên không liên quan gì đến phần đất đang tranh chấp với công ty N.

**** Tại biên bản tự khai ngày 11/3/2020, người bị kiện chủ tịch UBND phường N - ông Nguyễn B trình bày:***

Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND xã N từ 01/01/1999 đến 01/01/2001 sau đó ông chuyển sang làm công tác khác, từ ngày 11/11/2015 được bầu lại chủ tịch UBND phường N nay là Bí thư đảng bộ - Chủ tịch UBND phường N. Căn cứ biên bản giao khoán trồng dừa do ông Q cung cấp thì thời gian giao khoán theo thỏa thuận giữa bên nhận khoán (ông Q) với bên giao khoán (HTX NN N 3) có thời hạn 20 năm, từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2007; căn cứ theo hồ sơ địa chính đang lưu tại UBND phường thì phần đất mà ông Q đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất CN 54, tờ bản đồ số 13, giao quyền sử dụng cho HTX NN N 3 và một phần thửa đất hoang 55, tờ bản đồ số 13 do UBND phường quản lý. Như vậy, căn cứ biên bản giao khoán, đến thời điểm thực hiện giải phóng mặt bằng (GPMB) thì ông Q, bà H không còn quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến phần đất nói trên, và không đủ điều kiện được đền bù về đất. Về cây cối trên đất thì Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã đã tiến hành kiểm kê và hỗ trợ đền bù theo quy định. Còn nhà, công trình xây dựng như ông Q trình bày trong đơn, trên thực tế không có. Đầu tháng 12/2018, ông Quý, bà H đã tự ý xây dựng công trình diện tích 12,95m², kết cấu trụ bạch đàn, tường dựng tôn xung quanh, mái lợp tôn, nền đất và trồng keo con trên thửa đất số 679, tờ bản đồ số 13 đã được UBND tỉnh B giao quyền sử dụng đất cho công ty CPPT N theo GCNQSDĐ số

CT06611 ngày 22/8/2018 là sai phạm. Ngày 11/12/2018, UBND phường N đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng đề nghị ông Q, bà H tự tháo dỡ công trình, vật kiến trúc đã xây dựng và thu dọn cây cối đã trồng trái phép trên thửa đất số 679, tờ bản đồ số 13 để công ty CPPT N đầu tư xây dựng theo nhu cầu của Công ty, nhưng ông Q, bà H không chấp hành. Ngày 08/01/2019, UBND phường N có buổi làm việc với ông Q, bà H và công ty CPPT N để giải quyết đề nghị ông Q, bà H tự tháo dỡ công trình, thu dọn cây cối trả lại mặt bằng ban đầu cho công ty N sử dụng, nhưng ông Q, bà H vẫn không chấp hành. Ngày 13/02/2019 UBND phường nhận được văn bản số 111/UBND của UBND thị xã A về việc giải quyết kiến nghị của công ty N, trong nội dung văn bản có nêu rõ: “Giao chủ tịch UBND phường N kiểm tra, lập hồ sơ xử lý vi phạm hành chính; đồng thời tuyên truyền, vận động hộ Hồ Thị H tự tháo dỡ công trình, vật kiến trúc, thu dọn cây cối, trả lại mặt bằng để công ty Nguyễn H thực hiện dự án đầu tư. Trường hợp hộ bà Hồ Thị H không tự nguyện chấp hành thì có biện pháp xử lý đúng theo quy định của pháp luật.”

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thị xã, ngày 27/02/2019 UBND phường N đã tuyên truyền, vận động bà H phải tháo dỡ trước ngày 05/3/2019, nhưng bà H vẫn không chấp hành. Ngày 12/3/2019, UBND phường N tiếp tục làm việc với ông Q, bà H về nội dung như trên nhưng bà H không thống nhất. Căn cứ theo quy định tại khoản 10, điều 12 Luật đất đai, ngày 15/3/2019 UBND phường N ra Quyết định số 34/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của ông Trần Văn Q theo Khoản 1, điều 11, nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính ngày 18/3/2019, ngày 22/3/2019, ngày 26/3/2019 UBND phường N đã tiến hành vận động ông Q, bà H thực hiện quyết định nhưng ông Q, bà H không chấp hành, nên ngày 28/3/2019 UBND phường N ra Quyết định số 43/QĐ-CCXP ngày 28/3/2019 về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đồng thời ra thông báo tổ chức cưỡng chế số 54/TB-UBND ngày 08/4/2019 được UBND thị xã thống nhất tại văn bản số 254/UBND-NC cùng ngày. Việc UBND phường N thực hiện tổ chức cưỡng chế là hoàn toàn đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Q, bà H: Ngày 11/4/2018 Công ty Nguyễn H được UBND tỉnh cho thuê đất để mở rộng nhà máy sản xuất gỗ theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND; ngày 22/8/2018 công ty Nguyễn H được cấp GCNQSDĐ số CT06611. Sau khi thuê đất, công ty N tiến hành đổ đất nâng nền trên diện tích được cho thuê, sau đó ông Q và bà H mới tiến hành trồng cây và xây dựng công trình trên đất, vậy việc ông Q, bà H yêu cầu bồi thường bạch đàn, keo, cây ăn quả trồng từ năm 2015 – 2016 là hoàn toàn không có cơ sở. Đồng thời, theo biên bản kiểm tra hiện trạng và sơ đồ hiện trạng lập ngày 11/12/2018 có xác định số keo con được trồng khoảng 01 tháng, về số lượng cây

trồng trên đất thì trong quá trình thực hiện cưỡng chế vào ngày 12/4/2019, UBND phường đã lập biên bản hiện trạng trước cưỡng chế có sự chứng kiến của hội đồng cưỡng chế và 02 người chứng kiến, cụ thể trong biên bản diện tích đất trồng keo là 2.301,15m², cây keo có đường kính gốc < 4cm, cao < 1,5m, số lượng 2.136 cây; Công trình xây dựng: 12,95m², kết cấu: trụ Bạch đàn, dầm tole xung quanh, mái tole, nền đất.

Trong quá trình cưỡng chế ông Q, bà H có mặt nhưng sau khi phá dỡ xong công trình xây dựng 12,95m² thì ông Q, bà H bỏ về. UBND phường đã lập biên bản thống kê vật liệu thu hồi sau khi thực hiện cưỡng chế gồm: Tôn dài 1m: 7 tấm; tôn dài 3m: 9 tấm; tôn dài 4m: 7 tấm, tôn dài 4m (loại nửa tấm): 1 tấm, ngoài các vật liệu trên UBND phường không tạm giữ bất kì vật liệu nào khác. Cùng ngày 12/4/2019, UBND phường đã có Thông báo số 62/TB-UBND về việc niêm yết công khai vật liệu sau khi thực hiện biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Q, thời gian thông báo công khai từ ngày 13/4/2019 đến hết ngày 14/5/2019, hết thời gian thông báo công khai nhưng ông Q không đến nhận lại số vật liệu nêu trên nên UBND phường đã ra Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 về việc thu hồi vật liệu sau khi thực hiện biện pháp cưỡng chế khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Q đồng thời lập Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 27/5/2019 xin chủ trương thanh lý đầu giá vật liệu sau khi thực hiện cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Q.

Việc ông Q, bà H yêu cầu bồi thường công trình xây dựng 4.000 cây bạch đàn và keo, 15 cây mần cầu xiêm, 10 cây bơ, 05 cây nhãn, 10 cây chuối và 12,95m² nhà, tổng cộng là 62.098.400đ theo biên bản định giá ngày 11/7/2019 là không có căn cứ.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2020 Đại diện Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp N trình bày:**

Trước năm 2009, trên địa bàn xã N có 03 hợp tác xã: Hợp tác xã nông nghiệp N 1, Hợp tác xã nông nghiệp N2 và Hợp tác xã nông nghiệp N 3. Năm 2009 hợp nhất 3 Hợp tác xã NN thành hai là HTX NN N và HTX NN P. Nay chỉ còn 01 HTX duy nhất là HTX NN N tên đầy đủ là Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Nông nghiệp N. Năm 1987 HTX NN N 3 giao đất trồng dừa cho các hộ: Lê Tấn H, Ngô Văn K, Huỳnh M, Trần Hồng H, Trần Văn Q, Nguyễn C (ông C sau này giao lại cho ông H). Năm 2004, thực hiện chủ trương quy hoạch cụm công nghiệp N, HTX NN N 3 đã giao toàn bộ đất cho UBND phường N quản lý (trong đó có thửa số 54, 55 tờ bản đồ số 13). Do đó đến năm 2007, khi hết hạn thuê đất thì HTX NN N 3 không còn quản lý các thửa đất này, thẩm quyền quản lý thuộc UBND phường N nên đại diện HTX sản xuất, kinh doanh, dịch vụ Nông nghiệp N không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q.

*** Công ty cổ phần phát triển Nguyễn H - Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hữu T trình bày:**

Ngày 22/8/2018 Công ty được Sở Tài nguyên môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 679, tờ bản đồ số 13, tại Cụm CN N để sản xuất gỗ xuất khẩu. Trong khi công ty đang chờ cấp Giấy phép xây dựng thì ngày 01/12/2018 trong một lần kiểm tra thực địa nhân viên công ty phát hiện lô đất của công ty bị gia đình ông Q, bà H cho người đến trồng cây keo con, dựng chòi tôn để ở. Ngày 03/12/2018 công ty làm công văn số 10/CV-Cty gửi lên UBND thị xã A và UBND phường N để báo cáo. Ngày 11/12/2018 UBND phường kết luận, việc ông Q, bà H tự ý xây dựng công trình, trồng keo và rào xung quanh thửa đất 679 tờ bản đồ số 13, đã giao quyền sử dụng cho công ty N là vi phạm pháp luật về đất đai. UBND phường yêu cầu gia đình ông Q –bà H tự tháo dỡ toàn bộ công trình đã xây dựng trái phép và thu dọn toàn bộ hàng rào, keo con đã trồng trên đất của công ty trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 11/12/2018 sau thời gian trên nếu gia đình bà H không tự thực hiện thì UBND phường sẽ thực hiện cưỡng chế tháo dỡ theo quy định. Ngày 08/01/2019 phường N có mời công ty và gia đình bà H đến để hòa giải một lần nữa yêu cầu hộ gia đình bà H tự tháo dỡ công trình và thu dọn cây keo con trả lại hiện trạng đất ban đầu trước ngày 15/01/2019. Ngày 12/04/2019 lãnh đạo UBND phường cùng các cơ quan đoàn thể của phường và thị xã phối hợp về khu đất trên tiến hành cưỡng chế và hiện nay công ty đã đưa diện tích nói trên vào sử dụng.

Từ khi công ty được giao đất đến trước thời điểm UBND N cưỡng chế hộ ông Q để giao mặt bằng thì việc tranh chấp đã làm chậm tiến độ xây dựng các công trình, nhà xưởng phục vụ cho hoạt động sản xuất của công ty. Tuy nhiên công ty không có yêu cầu gì về thiệt hại xảy ra. Từ sau thời gian cưỡng chế giao mặt bằng đến nay, hộ ông Q không gây cản trở đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B đã quyết định:

- Căn cứ các Điều 30, 31, 116, điểm a khoản 2 điều 193 Bộ luật tố tụng Hành chính năm 2015.

- Áp dụng các Điều 6, khoản 1 điều 38, điều 57, 58, 66, 67, 68, 85, 86, 87, 88 luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 1 điều 11, khoản 1 Điều 31 Nghị Định 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 34, Điều 41 Nghị định 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị Định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ. Điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 01-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh Hợp đồng dân sự năm 1991; khoản 2, khoản 5 Điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2, khoản 5 Điều 424 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2, khoản 5 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 điều 76, khoản 2 Điều 78 Luật đất đai năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác đơn khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 43/QĐ- CC-XP ngày 28/3/2019; Thông báo tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 54/TB-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường N vì không có căn cứ pháp luật.

2. Bác yêu cầu của ông Trần Văn Q về việc yêu cầu UBND phường N bồi thường 4.000 cây bạch đàn và keo, 15 cây mần cầu xiêm, 10 cây bơ, 05 cây nhãn, 10 cây chuối tất cả trồng tháng 9/2016 chưa cho quả, 12,9m² nhà ở, một giường xếp, 01 tấm nệm mỏng, 01 bàn nhựa và 08 ghế nhựa, 01 xe rửa, 10 cái tô, 10 cái chén, 01 trang thờ, xoong nồi chén đĩa vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lệ phí định giá, án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/5/2021 và ngày 16/5/2021, người khởi kiện ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền là bà Hồ Thị H kháng cáo và kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định hủy Quyết định xử phạt hành chính số 34 ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế số 43 ngày 28/3/2019; Thông báo số 54 ngày 08/4/2019 và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cưỡng chế gây ra.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng hành chính: Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác cũng như các bên đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo hợp lệ, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền của ông Q là bà Hồ Thị H trong hạn luật định, hình thức và nội dung đơn đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND phường N, đại diện theo pháp luật của UBND phường N có đơn đề nghị xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nông nghiệp N; đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần phát triển Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật, Căn cứ vào Điều 159, 225 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét kháng cáo ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền của ông Q là bà Hồ Thị H kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định xử phạt hành chính số 34 ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế số 43 ngày 28/3/2019; Thông báo số 54 ngày 08/4/2019 và yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cưỡng chế gây ra.

[2.1] Xét Quyết định xử phạt hành chính số 34 ngày 15/3/2019, Quyết định cưỡng chế số 43 ngày 28/3/2019; Thông báo số 54 ngày 08/4/2019, thấy rằng: Theo biên bản giao khoán lập ngày 03/6/1987 giữa bên giao khoán là Hợp tác xã Nông nghiệp N (HTXNN N) và bên nhận khoán là hộ Trần Văn Q, diện tích giao khoán trồng dưa là 0,78 ha và cấp riêng 500m² đất để xây trại coi giữ thuộc đội 6, thôn T, xã N (nay là khu vực T, phường N), có thời hạn 20 năm, từ tháng 6/1987 đến tháng 6/2007. Căn cứ theo hồ sơ địa chính đang lưu tại UBND phường thì phần đất mà ông Q đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất CN 54, tờ bản đồ số 13, giao quyền sử dụng cho HTX NN N 3 và một phần thửa đất hoang 55, tờ bản đồ số 13 do UBND phường quản lý. Năm 2002, UBND nhân dân huyện A (nay là thị xã A) có chủ trương quy hoạch Khu tiểu thủ công nghiệp N trong đó có đất giao khoán cho hộ Trần Văn Q. Theo điểm c khoản 1, điểm g khoản 2 Điều 8 Nghị định 01-CP ngày 04/01/1995; mục 5 điểm 6 khoản 1 Điều 4; điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định 135/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ; Khoản 5 điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995 thì hợp đồng giao khoán lập ngày 03/6/1987 giữa bên giao khoán là HTXNN N 3 và bên nhận khoán là hộ Trần Văn Q bị chấm dứt và bên nhận khoán phải trả lại đất cho cơ quan có thẩm quyền kể từ thời điểm này. Ngày 01/12/2018 UBND phường N lập biên bản kiểm tra, xác định gia đình ông Trần Văn Q đã có hành vi xây dựng chòi tôn diện tích 12,95m² và trồng keo con (khoảng 1 tháng) trên diện tích đất 2.300m² thuộc thửa đất số 679 tờ bản đồ số 13, tại khu vực T, phường N đã được UBND tỉnh B giao quyền sử dụng cho công ty Nguyễn H theo Giấy chứng nhận QSDĐ số CT 06611 ngày 22/8/2018 nên đề nghị vợ chồng ông Q tự tháo dỡ công trình và thu dọn cây cối trên phần đất này nhưng ông Q không thực hiện. Ngày 12/3/2019 UBND phường N lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Q, bà H. Ngày 15/3/2019 chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 34/QĐ-XPVPHC xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Trần Văn Q. Tuy nhiên, ông Trần Văn Q không chấp hành Quyết định số 34/QĐ-XPVPHC ngày 28/3/2019 nên Chủ tịch UBND phường N ban hành Quyết định số 43/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc ông Trần Văn Q phải tháo dỡ công trình có diện tích 12,95m² có kết cấu trụ bạch đàn, dưng tole xung quanh, mái tole, nền đất phía bờ toàn bộ keo con trồng trên thửa đất số 679 tờ bản đồ số 13 tại khu vực T, phường N mọi chi phí do ông Trần Văn Q chi trả, thời gian thực hiện là 15 ngày là đúng quy định tại Điều 66 Luật xử phạt vi phạm hành chính. Do ông Q không chấp hành Quyết định số 43/QĐ-CCXP nên ngày 08/4/2019, Chủ tịch UBND phường N ban hành Thông báo số 54/TB-UBND về việc tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Trần Văn Q. Xét về hình thức, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu và thủ tục ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 34 ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế số 43 ngày 28/3/2019; Thông báo số 54 ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường N là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 38 và các Điều 66, 70 86, 87, 88 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 17 1 Luật khiếu nại, khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của chính phủ và các Điều 34,35 Nghị định số 166/2013/NĐCP ngày 12/11/2013 của chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà H.

[2.2] Xét kháng cáo ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản do hành vi cưỡng chế gây ra, thấy rằng: Năm 2003, nhà nước quy hoạch khu TTCN N có đền bù cây trái trên đất và hỗ trợ công chặt, về dưng thì hộ nhận khoán được hưởng 50%, HTXNN được hưởng 50%, bạch đàn thì hộ nhận khoán được hưởng 80%, HTXNN được hưởng 20%. Việc đền bù hỗ trợ và nhận tiền hỗ trợ có sổ sách kế toán theo dõi thể hiện hộ gia đình ông Q đã nhận tiền bồi thường xong. Khi UBND tỉnh B cho công ty cổ phần phát triển Nguyễn H (gọi tắt công ty Nguyễn H) thuê thửa đất mang số 679, tờ bản đồ số 13, diện tích 2.314,1m² (bao gồm một phần của thửa 54 và một phần đất hoang của thửa 55) để mở rộng nhà máy chế biến gỗ, tại biên bản kiểm kê cây cối hoa màu bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng để thi công mở rộng nhà xưởng sản xuất của công ty N lập ngày 16/6/2017 thì trên diện tích đất này chỉ có 95 cây keo lai trồng lẻ (đường kính từ >4cm <8cm), chuối có buồng 2 cây, trồng trên phần đất hoang, người kê khai là chị Nguyễn Thị N (vợ anh Trần Văn T) (BL77) và ngày 24/6/2017 chị N đã nhận tiền bồi thường xong (BL số 75). Như vậy trước ngày 16/6/2017 vợ chồng ông Trần Văn Q không có tài sản cũng như cây cối, hoa màu trên thửa đất 679. Như vậy, ông Q, bà H yêu cầu bồi thường 12,9m² nhà, một giường xếp, 01 tấm nệm mỏng, 01 bàn nhựa và 08 ghế nhựa, 01 xe rửa, 10 cái tô, 10 cái chén, 01 trang thờ, xoong nồi chén dĩa, và 4.000 cây bạch đàn, keo, 15 cây mần cầu xiêm, 10 cây bơ, 05 cây nhãn, 10 cây chuối (tất cả trồng tháng 9/2016) chưa cho quả là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Q, bà H.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền của ông Q là bà Hồ Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Q, bà H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; các Điều 30, 31, 116, điểm a khoản 2 điều 193 Bộ luật tố tụng Hành chính năm 2015.

Áp dụng các Điều 6, khoản 1 điều 38, điều 57, 58, 66, 67, 68, 85, 86, 87, 88 luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 1 điều 11, khoản 1 Điều 31 Nghị Định 102/2014/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 34, Điều 41 Nghị định 166/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị Định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ. Điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 01-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ.

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh Hợp đồng dân sự năm 1991; khoản 2, khoản 5 Điều 418 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2, khoản 5 Điều 424 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2, khoản 5 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 điều 76, khoản 2 Điều 78 Luật đất đai năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền của ông Q là bà Hồ Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2021/HC-ST ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

2. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn Q yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 34/QĐ-XPVPHC ngày 15/3/2019; Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 43/QĐ-CC-XP ngày 28/3/2019; Thông báo tổ chức cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả số 54/TB-UBND ngày 08/4/2019 của Chủ tịch UBND phường N vì không có căn cứ pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Q về việc yêu cầu UBND phường N bồi thường 4.000 cây bạch đàn và keo, 15 cây mần cầu xiêm, 10 cây bơ, 05 cây nhãn, 10 cây chuối tất cả trồng tháng 9/2016 chưa cho quả, 12,9m² nhà ở, một giường xếp, 01 tấm nệm mỏng, 01 bàn nhựa và 08 ghế nhựa, 01 xe rửa, 10 cái tô, 10 cái chén, 01 trang thờ, xoong nồi chén đĩa vì không có căn cứ pháp luật.

4. Về án phí: Ông Trần Văn Q và đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nghĩa

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tuấn Võ Thị Hồng Thu

Võ Công Phương

